



www.goducthanh.com • Mã CK: GDT

CÔNG TY CỔ PHẦN
GỖ ĐỨC THÀNH

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH

Ngày: 17/07/2018



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	3
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	3
Điều 1: Các Định nghĩa:	3
II. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY	5
Điều 2: Tên, logo, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty:	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 3: Mục tiêu hoạt động của Công ty:	6
Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động:	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	8
Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập:	8
Điều 6: Sổ chứng nhận cổ phần:	8
Điều 7: Chứng chỉ chứng khoán khác:	9
Điều 8: Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán:	9
Điều 9: Chuyển nhượng cổ phần:	9
Điều 10: Chuyển giao Cổ phần:	9
Điều 11: Thu hồi cổ phần và thu hồi quyền mua cổ phần:	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	10
Điều 12: Cơ cấu tổ chức quản lý:	10
VI. CỔ ĐÔNG	10
Điều 13: Quyền của cổ đông:	10
Điều 14: Nghĩa vụ của cổ đông:	11
VII. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	12
Điều 15: Đại hội đồng cổ đông:	12
Điều 16: Quyền hạn và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ:	13
Điều 17: Triệu tập họp, Chương trình họp và Thư mời họp ĐHĐCĐ:	14
Điều 18: Các đại diện được ủy quyền tại ĐHĐCĐ:	15
Điều 19: Các điều kiện để có thể tiến hành họp ĐHĐCĐ:	15
Điều 20: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ:	16
Điều 21: Thông qua các Nghị quyết của ĐHĐCĐ:	17
Điều 22: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản:	18
Điều 23: Biên bản, nghị quyết họp ĐHĐCĐ:	19
Điều 24: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ:	19
VIII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	20
Điều 25: Thành phần, số lượng và nhiệm kỳ của HĐQT:	20
Điều 26: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT:	21
Điều 27: Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch HĐQT:	23
Điều 28: Các cuộc họp của HĐQT và hình thức họp:	23
Điều 29: Các tiểu ban thuộc HĐQT:	25
IX. TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ THƯ KÝ	25
Điều 30: Tổ chức bộ máy quản lý:	25
Điều 31: Ban điều hành:	25
Điều 32: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc:	25
Điều 33: Kế toán trưởng:	27
Điều 34: Người phụ trách quản trị công ty:	27

X. BAN KIỂM SOÁT	28
<i>Điều 35: Kiểm soát viên</i>	28
<i>Điều 36: Trách nhiệm và quyền hạn của Ban kiểm soát</i>	30
XI. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, TGD VÀ BDH	31
<i>Điều 37: Trách nhiệm căn trọng của Thành viên HĐQT, BKS, TGD và BDH</i>	31
<i>Điều 38: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</i>	31
<i>Điều 39: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</i>	32
XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ LƯU TRỮ HỒ SƠ CÔNG TY	33
<i>Điều 40: Quyền điều tra sổ sách và lưu trữ hồ sơ</i>	33
XIII. CÔNG NHÂN VIÊN, CÔNG ĐOÀN, VÀ CÁC QUY ĐỊNH LAO ĐỘNG	33
<i>Điều 41: Công nhân viên và công đoàn</i>	33
<i>Điều 42: Ký hợp đồng lao động và các vấn đề lao động khác</i>	33
XIV. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	34
<i>Điều 43: Phân phối lợi nhuận</i>	34
XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	34
<i>Điều 44: Tài khoản ngân hàng</i>	34
<i>Điều 45: Trích lập các Quỹ</i>	35
<i>Điều 46: Hệ thống kế toán</i>	35
XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	35
<i>Điều 47: Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý</i>	35
<i>Điều 48: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng</i>	35
XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY	36
<i>Điều 49: Kiểm toán</i>	36
XVIII. CON DẤU	37
<i>Điều 50: Con dấu</i>	37
XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ GIẢI THỂ CÔNG TY	37
<i>Điều 51: Chấm dứt hoạt động</i>	37
<i>Điều 52: Thanh lý</i>	37
XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	38
<i>Điều 53: Giải quyết tranh chấp nội bộ</i>	38
XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	38
<i>Điều 54: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ</i>	38
XXII. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC	38
<i>Điều 55: Hiệu lực của điều lệ</i>	38
<i>Điều 56: Thông báo</i>	39

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này (cùng với các số liệu đã được cập nhật trong đó) được thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty tổ chức chính thức vào ngày 21 tháng 4 năm 2018; và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 07 năm 2018.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1: Các Định nghĩa:

Những định nghĩa này khi xuất hiện bên dưới Điều lệ sẽ được in nghiêng và để trong ngoặc kép, Cổ đông có thể tham khảo phần chi tiết của định nghĩa ở đây.

1.1 Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

1.2 Các từ viết tắt :

- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông.
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- TGD : Tổng Giám đốc
- BĐH : Ban điều hành
- BC : Báo cáo
- ĐH : Đại hội
- LDN : Luật Doanh nghiệp
- SXKD : Sản xuất kinh doanh
- TTLKCK : Trung Tâm lưu ký Chứng khoán

1.3 Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- 1.3.1 **“Vốn điều lệ”** là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và tích lũy đến từng thời điểm và được quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.
- 1.3.2 **“Luật Doanh nghiệp”** có nghĩa là LDN số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014.
- 1.3.3 **“Luật Chứng Khoán”** bao gồm Luật Chứng Khoán số 70/2005/QH11 được Quốc Hội thông qua ngày 29/6/2006 và Luật chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12 ngày 21/11/2010.
- 1.3.4 **“Ngày thành lập”** là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu tiên.
- 1.3.5 **“Năm tài chính”** bắt đầu từ ngày 1/1 hàng năm và kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm.
- 1.3.6 **“Ban điều hành”** là các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được HĐQT phê chuẩn.
- 1.3.7 **“Nhóm cổ đông 10%”** là Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng.
- 1.3.8 **“Tổng giá trị tài sản”** là Tổng giá trị tài sản của Công ty tại Báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất.

- 1.3.9 **“Người có liên quan”** là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây, được quy định tại Điều 4.17 của LDN:
- Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;
 - Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty;
 - Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp;
 - Người quản lý doanh nghiệp;
 - Vợ, chồng, cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh em rể, chị em dâu... của người quản lý công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
 - Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người hoặc đại diện cho công ty quy định tại Điều 1.3.9 a, b, c, d và e nêu trên;
 - Doanh nghiệp mà trong đó những người hoặc công ty, quy định tại Điều 1.3.9 a, b, c, d, e và f có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định ở doanh nghiệp đó;
 - Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, thu tóm cổ phần, thu tóm lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.

- 1.3.10 **“Giao dịch với bên có liên quan”** có nghĩa là giao dịch, bao gồm nhưng không giới hạn việc vay nợ, bán hoặc mua tài sản, bán hoặc mua cổ phần trong Công ty, bảo lãnh hoặc các nghĩa vụ tài chính phát sinh khác, được thỏa thuận giữa Công ty với một trong những người sau đây: Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, TGD, BDH, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng, bất kỳ một Người có liên quan nào với những người nêu trên.

Giao dịch được hiểu là bao gồm bất kỳ khoản tiền hoa hồng, các khoản thanh toán tương tự hoặc các lợi ích mà bất kỳ những người nêu trên nhận được từ Công ty hoặc bên thứ ba. Các khoản tiền này phát sinh trực tiếp hoặc gián tiếp từ hoặc có liên quan đến bất kỳ các giao dịch nào mà Công ty tham gia.

- 1.3.11 **“Thành viên Hội đồng quản trị độc lập”** là những người phải thỏa các điều kiện sau đây:
- Không đang làm việc cho công ty, không từng làm việc cho công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
 - Không đang hưởng lương từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - Không có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh, chị em ruột là cổ đông lớn của công ty hoặc là người quản lý của công ty;
 - Không là người trực tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

Thành viên HĐQT độc lập phải thông báo về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 1.3.11 này và đương nhiên không còn là thành viên HĐQT độc lập kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện.

HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên HĐQT độc lập không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung, thay thế thành viên này trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên này.

Trong Điều lệ này, việc tham chiếu các quy định hoặc văn bản của Nhà nước như Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ Mẫu v.v.. sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

II. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

Điều 2: Tên, logo, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

2.1 Tên và logo của Công ty:

- Tên tiếng Việt : Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành
- Tên tiếng Anh : Duc Thanh Wood Processing Joint Stock Company
- Tên viết tắt : Công ty CP Gỗ Đức Thành



2.2 Công ty cổ phần Gỗ Đức Thành là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân, phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

2.3 Trụ sở đăng ký của Công ty :

2.3.1 Trụ sở chính đồng thời là Nhà máy tại TPHCM đặt tại:

- Địa chỉ : 21/6D Phan Huy Ích, phường 14, quận Gò Vấp, TP.HCM
- Điện thoại : 028 3589 4287
- Fax : 028 3589 4288
- Website : www.goducthanh.com - www.winwintoys.com
- Email : info@goducthanh.com

2.3.2 Nhà máy Tân Uyên, Bình Dương:

- Địa chỉ : KP. Tân Hội, P.Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : 0274 363 1491
- Fax : 0274 363 1490

2.4 Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là TGD Công ty. Khi cần thiết HĐQT được quyền quyết định bổ sung hoặc thay đổi người đại diện theo pháp luật. Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 13, 14 Luật Doanh nghiệp.

- 2.5 Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại nhiều nơi để thực hiện các mục tiêu hoạt động của mình, phù hợp với nghị quyết của HĐQT, theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
- 2.6 Trừ khi Công ty chấm dứt hoạt động theo Điều 51 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3: Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- 3.1 Công ty được thành lập vì mục đích kinh doanh thu lợi nhuận, tham gia vào các hoạt động kinh doanh nêu trong Điều 3.2 dưới đây và các hoạt động kinh doanh khác vào từng thời điểm, theo quy định của Pháp luật.
- 3.2 Công ty hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
2	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ Chi tiết: Chế biến lâm sản	1610
3	Trồng cây cao su Chi tiết: Trồng trọt cây cao su	0125
4	Trồng rừng và chăm sóc rừng Chi tiết: Trồng trọt các loại cây lấy gỗ	0210
5	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: xuất nhập khẩu: đồ dùng gia đình, mỹ phẩm, mỹ nghệ, vật phẩm văn hóa giáo dục, đồ chơi trẻ em bằng gỗ	4649
6	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng	4663
7	Bán buôn gạo Chi tiết: xuất nhập khẩu lương thực	4631
8	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: xuất nhập khẩu thực phẩm	4632
9	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: xuất nhập khẩu: xe gắn máy	4541
10	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: xuất nhập khẩu phụ tùng xe máy	4543

Stt	Tên ngành	Mã ngành
11	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: xuất nhập khẩu ô tô	4511
12	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: xuất nhập khẩu: máy photocopy, phụ tùng xe máy, ô tô, máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, cao su plastic, keo các loại, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh)	4669
13	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: xuất nhập khẩu kim loại	4662
14	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất mộc dân dụng, cán chổi, cán cờ, ván ghép, đồ gỗ gia dụng. Sản xuất đồ chơi trẻ em bằng gỗ (trừ chế biến gỗ, không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội).	1629
15	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Thực hiện theo khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản).	6810
16	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
17	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của Pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của Pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động

- 4.1 Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động SXKD theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và theo Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành; được phép tổ chức, quản lý và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu mà ĐHĐCĐ giao phó.
- 4.2 Bên cạnh lĩnh vực hoạt động chính, Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được ĐHĐCĐ thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

- 5.1 Vốn điều lệ của Công ty được cập nhật đến ngày 17/07/2018 là 163.941.760.000 VNĐ (*Một trăm sáu mươi ba tỷ chín trăm bốn mươi một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*)
- Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 16.394.176 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
- 5.2 Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 5.3 Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Cổ đông là người sở hữu các cổ phần này có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Điều lệ này.
- 5.4 Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác, nếu được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 5.5 Khi phát hành thêm cổ phần, phải ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quy định khác.
- Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, nêu rõ số lượng và thời hạn đăng ký mua (tối thiểu hai mươi ngày) hoặc thời hạn khác theo quy định của pháp luật, để cổ đông đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do HĐQT của Công ty quyết định.
- HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện mà HĐQT thấy là phù hợp, nhưng không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quy định khác hoặc trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.
- 5.6 Công ty có thể mua lại cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại được gọi là Cổ phiếu quỹ. HĐQT có thể chào bán Cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.
- 5.7 Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua bằng văn bản, phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán tại thời điểm phát hành.
- 5.8 Cổ đông sáng lập: Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của LDN sẽ được nêu tại Phụ lục 1 đính kèm. Phụ lục này là một phần không tách rời của Điều lệ này.

Điều 6: Sổ chứng nhận cổ phần

- 6.1 Cổ đông của Công ty được cấp Sổ chứng nhận cổ phần tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
- 6.2 Sổ chứng nhận cổ phần phải có dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Sổ chứng nhận cổ phần phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của LDN.
- 6.3 Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần hoặc trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày kết thúc đợt phát hành theo quy định tại phương án phát hành cổ phần của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp Sổ chứng nhận cổ phần và không phải trả bất kỳ một khoản phí nào.

- 6.4 Trường hợp Sổ chứng nhận cổ phần bị hỏng hoặc bị mất, người sở hữu cổ phần có thể yêu cầu được cấp Sổ chứng nhận cổ phần mới và phải thanh toán mọi chi phí liên quan (nếu có).

Điều 7: Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) cũng sẽ được phát hành có dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 8: Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán

- 8.1 Công ty phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán bằng văn bản và bằng tập dữ liệu điện tử, đồng thời phải đăng ký với TTLKCK theo quy định của Luật Chứng khoán.
- 8.2 Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán phải có các nội dung chủ yếu theo mẫu của TTLKCK, nội dung của Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán phải được HĐQT duyệt. Các thông tin trong đó phải được cập nhật ngay sau mỗi đợt chốt danh sách cổ đông.

Điều 9: Chuyển nhượng cổ phần

- 9.1 Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng, trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phần niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 9.2 Cổ phần chưa thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phần phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phần mới chào bán và các quyền lợi liên quan khác theo luật định, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Điều 10: Chuyển giao Cổ phần

Người có quyền thừa hưởng đối với cổ phần do một cổ đông qua đời hoặc bị phá sản sẽ trở thành cổ đông của Công ty với điều kiện người đó phải cung cấp được các bằng chứng đáp ứng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, tuy nhiên người đó chỉ có quyền tham dự và biểu quyết trong các ĐHĐCĐ sau khi đã chính thức đăng ký trở thành cổ đông và được cấp Sổ chứng nhận cổ phần nếu chưa lưu ký cổ phần.

Điều 11. Thu hồi cổ phần và thu hồi quyền mua cổ phần

11.1 Thu hồi cổ phần:

- 11.1.1 Cổ đông bị thu hồi Cổ phần theo các trường hợp quy định trong Quy chế phát hành cổ phần.
- 11.1.2 Công ty phải gửi Thông báo bằng văn bản ghi rõ thời gian, địa điểm, các hồ sơ cần thiết để tiến hành thủ tục thu hồi và chi trả tiền cho Người bị thu hồi theo qui định.
- 11.1.3 Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành cổ phiếu quỹ của Công ty, ĐHĐCĐ có thể ủy quyền cho HĐQT được quyền chào bán, chia, thưởng hoặc tặng cho bất cứ ai theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp.

11.2 Thu hồi quyền mua cổ phần:

- 11.2.1 Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phần, Công ty sẽ gửi Thông báo cho người đó bằng văn bản, nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán, tiền phạt (nếu có) và phải ghi rõ nếu vẫn không thanh toán theo đúng yêu cầu lần này, quyền mua số cổ phần chưa thanh toán sẽ bị thu hồi.
 - 11.2.2 Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, HĐQT có quyền thu hồi quyền mua số cổ phần chưa thanh toán.
 - 11.2.3 Quyền mua Cổ phần bị thu hồi sẽ được HĐQT phân phối cho bất cứ ai theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp.
- 11.3 Thông báo thu hồi sẽ được gửi thư “ bảo đảm có hồi đáp” đến Người bị thu hồi trước thời điểm thu hồi, và sẽ được thực hiện cho dù không có sự xác nhận của Người bị thu hồi.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 12: Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát.
- Tổng giám đốc.
- Ban điều hành.

VI. CỔ ĐÔNG

Điều 13: Quyền của cổ đông

- 13.1 Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông được hưởng các quyền lợi đồng thời chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty, trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
- 13.2 Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - 13.2.1 Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp ĐHĐCĐ, có quyền biểu quyết bằng cách biểu quyết trực tiếp tại ĐHĐCĐ hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa.
 - 13.2.2 Nhận cổ tức với tỉ lệ do ĐHĐCĐ quyết định theo từng thời điểm.
 - 13.2.3 Tự do chuyển nhượng cổ phần theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

- 13.2.4 Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán (nếu có) tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - 13.2.5 Kiểm tra danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia ĐHĐCĐ và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác (nếu có);
 - 13.2.6 Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, Biên bản họp và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ;
 - 13.2.7 Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỉ lệ cổ phần mà mình sở hữu, sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ;
 - 13.2.8 Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình như quy định tại Điều 129 của LDN;
 - 13.2.9 Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật.
- 13.3 “Nhóm Cổ đông 10%” có thêm các quyền sau:
- 13.3.1 Đề cử các thành viên HĐQT hoặc BKS theo quy định tương ứng tại các Điều 25.4 và Điều 35.4 của Điều lệ này.
 - 13.3.2 Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập ĐHĐCĐ bất thường khi quyền của cổ đông bị vi phạm nghiêm trọng, căn cứ theo các qui định tại Điều 114, 136 của LDN.
 - 13.3.3 Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại ĐHĐCĐ.
 - 13.3.4 Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu này phải lập thành văn bản, phải có đầy đủ thông tin được cập nhật mới nhất của cổ đông hoặc nhóm cổ đông.
 - 13.3.5 Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 14: Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

- 14.1 Phải hiểu rõ và tuân thủ Điều lệ cùng các quy chế của Công ty; phải chấp hành các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT;
- 14.2 Phải tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ, phải thực hiện quyền biểu quyết bằng cách biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền dự họp (có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT hoặc bất cứ ai) hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa.
- 14.3 Phải thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
- 14.4 Phải cung cấp thông tin cá nhân cần thiết, đặc biệt là số điện thoại, email và địa chỉ để liên lạc. Phải thường xuyên cập nhật các thông tin đó khi có thay đổi.
- 14.5 Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và theo quy định khi đăng ký mua cổ phần của các đợt phát hành.

VII. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 15: Đại hội đồng cổ đông

- 15.1 ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
- 15.2 ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong vòng 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, hoặc gia hạn nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính nếu được sự đồng ý của Cơ quan đăng ký kinh doanh, Ủy ban chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán.
- Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường.
- 15.3 HĐQT có trách nhiệm triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. ĐHĐCĐ thường niên sẽ quyết định những vấn đề liên quan đến Công ty theo quy định của Điều lệ này. Các kiểm toán viên độc lập sẽ được mời tham dự ĐH để tư vấn cho việc thông qua các BC tài chính hàng năm.

15.4 HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

- 15.4.1 HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- 15.4.2 Khi Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa ($\frac{1}{2}$) so với số đầu kỳ;
- 15.4.3 Khi số thành viên của HĐQT, BKS còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật và theo quy định của Điều lệ công ty.
- 15.4.4 Khi “*Nhóm Cổ đông 10%*” có văn bản yêu cầu triệu tập, trong văn bản phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan.
- 15.4.5 BKS yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu BKS có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT, TGD hoặc BĐH vi phạm hoặc có ý định vi phạm nghiêm trọng các quyền và nghĩa vụ của họ theo Điều 160 LDN (trách nhiệm của người quản lý công ty).

15.5 Cách thức triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường:

- 15.5.1 HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày có nhu cầu (theo điều 15.4) nêu trên.
- 15.5.2 Trong trường hợp vì bất cứ lý do gì HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 15.5.1 này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, BKS phải triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định Điều 136.5 LDN (Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ).
- 15.5.3 Trong trường hợp vì bất cứ lý do gì BKS cũng không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 15.5.2 này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, “*Nhóm Cổ đông 10%*” có quyền thay thế HĐQT, BKS triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định Điều 136.6 LDN. Trong trường hợp này, “*Nhóm Cổ đông 10%*” triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp.
- 15.5.4 Các chi phí triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường tại Điều 15.5.1, 15.5.2 và 15.5.3 nêu trên sẽ được công ty thanh toán lại (nếu họp lệ).

Công ty sẽ không thanh toán các khoản ăn ở, đi lại khi tham dự họp ĐHĐCĐ.

- 15.5.5 Người triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường phải:
- Lập Ban tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường;
 - Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - Lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp.

Điều 16: Quyền hạn và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ:

Tất cả nội dung trong chương trình họp phải được thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, bao gồm:

16.1 Những nội dung ĐHĐCĐ phải duyệt hàng năm :

- 16.1.1 Thông qua BC tài chính hàng năm đã được kiểm toán và kế hoạch tài chính hàng năm của công ty;
- 16.1.2 Thông qua mức cổ tức phải trả hàng năm cho mỗi loại cổ phần dựa trên đề xuất của HĐQT, phù hợp với LDN và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó.
- 16.1.3 Thông qua Báo cáo của HĐQT, Báo cáo của BKS và Báo cáo của BDH;
- 16.1.4 Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán;
- 16.1.5 Thông qua BC tiền thù lao của HĐQT và BKS năm trước, đồng thời duyệt mức tiền thù lao của HĐQT và BKS cho năm tiếp theo.

16.2 Những nội dung ĐHĐCĐ duyệt khi nào có phát sinh:

- 16.2.1 Thay đổi số lượng thành viên của HĐQT và BKS;
- 16.2.2 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và BKS;
- 16.2.3 Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc BKS gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- 16.2.4 Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- 16.2.5 Thay đổi ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh
- 16.2.6 Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty.
- 16.2.7 Tổ chức lại hoặc giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- 16.2.8 Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần của Công ty đã phát hành;
- 16.2.9 Thông qua số lượng cổ phần, giá phát hành, tổng số tiền phát hành đối với các chương trình phát hành cổ phần mới.
- 16.2.10 Công ty mua cổ phần hoặc các chứng khoán khác, trái phiếu từ các công ty khác hoặc Công ty đầu tư vào sở hữu bất động sản;
- 16.2.11 Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
- 16.2.12 Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- 16.2.13 Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

16.3 Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

16.3.1 Thông qua các hợp đồng quy định tại Điều 16.2.9 đến 16.2.12 nêu trên khi Cổ đông đó hoặc “*Người có liên quan*” tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng.

16.3.2 Việc mua lại cổ phần của chính cổ đông đó hoặc của “*Người có liên quan*” của cổ đông đó.

Điều 17: Triệu tập họp, Chương trình họp và Thư mời họp ĐHĐCĐ

17.1 ĐHĐCĐ được triệu tập bởi HĐQT, hoặc được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 15.5.2 (...BKS thay thế HĐQT triệu tập) hoặc Điều 15.5.3 (.. “*Nhóm cổ đông 10%*” triệu tập).

17.2 Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

17.2.1 Chốt danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội, chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành ĐHĐCĐ;

17.2.2 Chuẩn bị Thư mời, Chương trình và các tài liệu họp theo quy định, phù hợp với luật pháp và các quy định của Điều lệ này;

17.2.3 Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

17.2.4 Chuẩn bị Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ và phải đưa vào chương trình họp.

17.3 Thư mời, chương trình, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại ĐH phải được gửi cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp, đồng thời phải công bố cho Sở giao dịch chứng khoán, và phải đăng trên website của công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thư mời họp ĐHĐCĐ, trong Thư mời phải nêu rõ địa chỉ website của công ty để các cổ đông có thể vào xem. Thư mời họp phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ, được tính theo dấu bưu điện.

17.4 “*Nhóm cổ đông 10%*” (Điều 13.3) có quyền đề xuất thêm các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải được làm bằng văn bản, ghi rõ họ tên, số lượng cổ phần nắm giữ và phải được gửi cho Công ty ít nhất 7 ngày trước ngày khai mạc ĐH.

17.5 Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Điều 17.4 nêu trên nếu:

17.5.1 Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

17.5.2 Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;

17.5.3 Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ bàn bạc và thông qua.

17.6 Các nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐH là hợp pháp và có hiệu lực, ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 18: Các đại diện được ủy quyền tại ĐHĐCĐ

- 18.1 Các cổ đông có quyền trực tiếp tham dự ĐHĐCĐ hoặc ủy quyền cho đại diện của mình. Trường hợp ủy quyền cho nhiều người đại diện thì phải xác định cụ thể số cổ phần nào ủy quyền cho người nào. Giấy ủy quyền phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
- 18.1.1 Trường hợp cổ đông là cá nhân ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và chữ ký người được ủy quyền dự họp;
 - 18.1.2 Trường hợp cổ đông là tổ chức ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó và chữ ký của người được ủy quyền dự họp;
 - 18.1.3 Trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông đó và chữ ký của người được ủy quyền dự họp;
- Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp bản chính giấy ủy quyền hợp lệ trước khi vào phòng họp.
- 18.2 Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty). Nếu điều này không được thực hiện thì việc cử người được ủy quyền dự họp sẽ bị vô hiệu.
- 18.3 Trừ trường hợp quy định tại điều 18.2 nêu trên, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp vẫn có hiệu lực trong các trường hợp sau đây:
- 18.3.1 Người ủy quyền đã chết, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự
 - 18.3.2 Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- Tuy nhiên, điều khoản này không được áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về sự kiện trên chậm nhất là hai mươi tư (24) giờ trước giờ khai mạc ĐH.
- 18.4 Tổ chức là cổ đông của Công ty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 3 người đại diện và phải xác định cụ thể phần vốn góp, số cổ phần ủy quyền cho từng người đại diện.
- 18.5 Việc ủy quyền cho người đại diện phải thực hiện theo quy định pháp luật.

Điều 19: Các điều kiện để có thể tiến hành họp ĐHĐCĐ

- 19.1 ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.
- 19.2 Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền thay đổi trình tự hoặc nội dung của Chương trình họp đã được gửi kèm theo Thư mời họp, nếu xét thấy cần thiết và hợp lý.
- 19.3 Trường hợp không có đủ số lượng cổ đông cần thiết, trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc ĐH, người triệu tập có quyền hủy cuộc họp. ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày tổ chức ĐH lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
- 19.4 Trường hợp ĐH triệu tập lần thứ hai vẫn không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 19.3 nêu trên, thì ĐH phải được triệu tập lần thứ ba trong vòng 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, ĐHĐCĐ được tiến hành không giới hạn tỉ lệ số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ

- 20.1 Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ, các cổ đông tham dự phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông theo quy định trước khi vào phòng họp để tiến hành ĐH.
- 20.2 Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền một Phiếu biểu quyết (trên đó có mã số cổ đông, số cổ phần đại diện ủy quyền) và Tờ nội dung biểu quyết đính kèm. Chủ tọa sẽ quyết định hình thức biểu quyết phù hợp
- Các Tờ nội dung biểu quyết do cổ đông nộp cho Ban kiểm phiếu là bằng chứng để công bố tỷ lệ và được lưu giữ tại Công ty. Trong trường hợp cổ đông không nộp lại phiếu biểu quyết thì xem như không có ý kiến.
- ĐH sẽ bầu ra những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa.
- 20.3 Cổ đông hoặc người được ủy quyền có mặt sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
- 20.4 Thành viên HĐQT cho dù không phải là cổ đông của công ty vẫn có quyền tham dự và phát biểu tại bất kỳ cuộc họp ĐHĐCĐ nào.
- 20.5 ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT chủ trì. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời không thể chủ trì cuộc họp thì Phó chủ tịch sẽ chủ trì hoặc các thành viên HĐQT còn lại bầu một người làm chủ tọa để điều hành cuộc họp.
- Trường hợp vẫn không có người làm chủ tọa thì Trưởng BKS sẽ điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa. Người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm chủ tọa cuộc họp.
- Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ sẽ điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa. Người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm chủ tọa cuộc họp.
- 20.6 ĐH có thể hoãn lại nếu được sự đồng ý của Chủ tọa và đa số các đại biểu dự họp khi :
- 20.6.1 Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi hoặc điều kiện làm việc thuận tiện ở địa điểm tổ chức ĐH;
- 20.6.2 Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự đến mức không thể tiến hành ĐH.
- Thời gian hoãn tối đa không quá 3 ngày kể từ ngày khai mạc ĐH lần đầu.
- 20.7 Trong những trường hợp đặc biệt liên quan đến vấn đề an ninh, Ban tổ chức ĐH dưới sự điều hành của HĐQT có thể áp dụng biện pháp kiểm tra các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền. Trường hợp cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định trên, HĐQT sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất người đó ra khỏi ĐH.
- 20.8 Hàng năm, Công ty phải tổ chức ĐHĐCĐ ít nhất một lần, vì vậy ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 21: Thông qua các Nghị quyết của ĐHĐCĐ

- 21.1 Trừ các vấn đề được quy định tại Điều 21.2 bên dưới, các vấn đề sau đây chỉ được ĐHĐCĐ thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp tán thành:
- 21.1.1 Thông qua BC tài chính hàng năm đã được kiểm toán và kế hoạch tài chính hàng năm của công ty;
 - 21.1.2 Thông qua mức cổ tức phải trả hàng năm cho mỗi loại cổ phần dựa trên đề xuất của HĐQT, phù hợp với LDN và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó.
 - 21.1.3 Thông qua Báo cáo của HĐQT, Báo cáo của BKS và Báo cáo của BDH;
 - 21.1.4 Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán;
 - 21.1.5 Thông qua BC tiền thù lao của HĐQT và BKS năm trước, đồng thời duyệt mức tiền thù lao của HĐQT và BKS cho năm tiếp theo.
 - 21.1.6 Thay đổi số lượng thành viên của HĐQT và BKS;
 - 21.1.7 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và BKS;
 - 21.1.8 Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc BKS gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - 21.1.9 Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - 21.1.10 Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch HĐQT (nếu có đề xuất);
 - 21.1.11 Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần của Công ty đã phát hành;
 - 21.1.12 Công ty mua cổ phần hoặc các chứng khoán khác, trái phiếu từ các công ty khác hoặc Công ty đầu tư vào sở hữu bất động sản;
 - 21.1.13 Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- 21.2 Những nội dung dưới đây chỉ được ĐHĐCĐ thông qua khi có từ 75% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp tán thành:
- 21.2.1 Thay đổi ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh
 - 21.2.2 Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty.
 - 21.2.3 Tổ chức lại hoặc giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - 21.2.4 Thông qua số lượng cổ phần, giá phát hành, tổng số tiền phát hành đối với các chương trình phát hành cổ phần mới.
 - 21.2.5 Thông qua việc Công ty ký kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận liên quan đến hoạt động SXKD có giá trị vượt quá 50% “Tổng giá trị tài sản”.
 - 21.2.6 Thông qua việc Công ty ký kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận không liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty có giá trị vượt quá 35% “Tổng giá trị tài sản”.
 - 21.2.7 Thông qua các hợp đồng, các thỏa thuận liên quan đến việc bán tài sản của Công ty với trị giá vượt quá 35% “Tổng giá trị tài sản”.
 - 21.2.8 Thông qua việc ký kết mọi giao dịch với bên có liên quan như: vay nợ; bảo lãnh hoặc các nghĩa vụ tài chính có thể phát sinh với giá trị vượt quá 35% “Tổng giá trị tài sản”.
- 21.3 Cổ đông có mặt hoặc người đại diện được ủy quyền sẽ bỏ phiếu để phê chuẩn các quyết định của ĐHĐCĐ. Kết quả bỏ phiếu sẽ được xem là nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Điều 22: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản được thực hiện theo các quy định sau đây:

- 22.1 HĐQT có quyền lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản bất cứ lúc nào, nếu xét thấy cần thiết, vì lợi ích của công ty, kể cả các trường hợp sau:
 - 22.1.1 Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - 22.1.2 Thông qua định hướng phát triển công ty;
 - 22.1.3 Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - 22.1.4 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;
 - 22.1.5 Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - 22.1.6 Thay đổi ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh;
 - 22.1.7 Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - 22.1.8 Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% “*Tổng giá trị tài sản*”;
 - 22.1.9 Và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ
- 22.2 HĐQT phải chuẩn bị và gửi đến từng cổ đông:
 - 22.2.1 Phiếu lấy ý kiến: trong đó phải nêu cụ thể Mục đích, Sự cần thiết, Phương án biểu quyết kèm theo thông tin của cổ đông; và Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - 22.2.2 Dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ về những vấn đề cần xin ý kiến;
 - 22.2.3 Các văn bản giải trình liên quan (nếu cần).

Các tài liệu này phải đăng trên website của công ty và phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến từng cổ đông và phải gửi ít nhất mười (10) ngày làm việc trước ngày hết hạn nhận Phiếu lấy ý kiến, để cổ đông có thời gian xem xét biểu quyết.
- 22.3 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông nếu là cá nhân, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức và phải đóng dấu mộc của tổ chức đó.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.
- 22.4 Dưới sự chủ trì HĐQT, Ban kiểm phiếu sẽ tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của đại diện BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - 22.4.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - 22.4.2 Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - 22.4.3 Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - 22.4.4 Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

22.4.5 Các quyết định đã được thông qua;

22.4.6 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, Ban kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu và các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu;

22.5 Biên bản kiểm phiếu này phải được công bố trên website của công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

22.6 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, Biên bản kiểm phiếu, Toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo Phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

22.7 Quyết định thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 23: Biên bản, nghị quyết họp ĐHĐCĐ

Biên bản, nghị quyết các cuộc họp ĐHĐCĐ phải được lập bằng tiếng Việt theo quy định của LDN, có chữ ký của Chủ tọa và Thư ký, là bằng chứng về những việc đã tiến hành tại ĐH.

Biên bản này phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ. Thư ký chịu trách nhiệm lưu trữ Các bản ghi chép, Biên bản, nghị quyết họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông dự họp và các tài liệu có liên quan.

Điều 24: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ

24.1 Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày công ty công bố trên website các biên bản, nghị quyết họp ĐHĐCĐ hoặc Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản, “*Nhóm cổ đông 10%*” có quyền yêu cầu Tòa án TP.HCM xem xét, hủy bỏ một hoặc nhiều nội dung của các văn bản nêu trên khi:

24.1.1 Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ không đúng theo quy định của LDN và Điều lệ công ty;

24.1.2 Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty.

24.2 Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án TP.HCM, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ phải tổ chức lại ĐHĐCĐ trong vòng ba mươi (30) ngày, theo trình tự, thủ tục quy định tại LDN và Điều 19 của Điều lệ này

VIII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25: Thành phần, số lượng và nhiệm kỳ của HĐQT

- 25.1 Số lượng thành viên HĐQT : của công ty từ 3 đến 11 người.
- 25.2 Nhiệm kỳ của HĐQT : là năm (5) năm.
- 25.3 Thành phần: Tổng số thành viên HĐQT độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Pháp luật. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty nhưng phải là người có kinh nghiệm, có kiến thức về quản lý điều hành Doanh nghiệp.
- 25.4 Đề cử ứng viên HĐQT trước khi tiến hành ĐH:
- 25.4.1 Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - Trình độ học vấn;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
 - Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
 - Các lợi ích có liên quan tới Cty (nếu có);
 - Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - Các thông tin khác (nếu có).
- 25.4.2 Cổ đông nắm giữ cổ phần trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng, có quyền gộp cổ phần lại để đề cử ứng viên HĐQT. Cụ thể:
- Từ 5% đến dưới 10% được đề cử tối đa một ứng viên;
 - Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai ứng viên;
 - Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba ứng viên;
 - Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn ứng viên;
 - Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm ứng viên;
 - Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu ứng viên;
 - Từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa là bảy ứng viên;
 - Từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám ứng viên;
- 25.4.3 Do phải thẩm tra lý lịch, xem xét tư cách ứng viên thỏa các yêu cầu theo qui định của pháp luật hiện hành và theo yêu cầu của HĐQT, công ty không chấp nhận hình thức đề cử hoặc tự ứng cử tại ĐH do việc này đã thông báo từ trước khi tổ chức ĐH.
- 25.5 Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử trước ĐH không đủ số lượng cần, HĐQT đương nhiệm sẽ đề cử thêm cho đủ người. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

25.6 Thành viên HĐQT sẽ bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- 25.6.1 Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của LDN hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
- 25.6.2 Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
- 25.6.3 Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và Công ty có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi để làm việc;
- 25.6.4 Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 6 tháng mà không được sự đồng ý của Chủ tịch HĐQT;
- 25.6.5 Bị cách chức theo quyết định của ĐHĐCĐ.

25.7 Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, các thành viên HĐQT phải tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Trong trường hợp các vấn đề do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, trái với Điều lệ công ty, gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua vấn đề đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về vấn đề đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty (nếu có); thành viên phản đối thông qua các vấn đề nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 26: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT

Ngoài những nhiệm vụ và quyền hạn thông thường, HĐQT còn có những quyền và nghĩa vụ sau:

- 26.1 HĐQT phải thường xuyên giám sát, chỉ đạo hoạt động của TGD và BDH;
- 26.2 Báo cáo ĐHĐCĐ việc HĐQT bổ nhiệm TGD (nếu có thay đổi)
- 26.3 HĐQT phải phối hợp với công ty để triển khai, chỉ đạo thực hiện các định hướng chiến lược, kế hoạch SXKD và kế hoạch tài chính của công ty, đồng thời đánh giá hiệu quả hoạt động theo các kế hoạch đã được ĐHĐCĐ phê duyệt hàng năm, như:
 - 26.3.1 Đề xuất tỷ lệ chia cổ tức hàng năm và phương thức chi trả cổ tức;
 - 26.3.2 Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Cty; đề xuất các loại cổ phần, tổng số cổ phần có thể phát hành;
 - 26.3.3 Đề xuất việc phát hành trái phiếu hoặc trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần;
 - 26.3.4 Quyết định giá chào bán cổ phần, trái phiếu, hoặc trái phiếu chuyển đổi;
 - 26.3.5 Quyết định mua lại đến 10% tổng số cổ phần công ty đã phát hành của từng loại cổ phần;
 - 26.3.6 Quyết định việc thành lập các công ty con, chi nhánh & văn phòng đại diện Công ty trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam, cũng như đầu tư vào các công ty khác, phù hợp với kế hoạch phát triển của Công ty đã được ĐHĐCĐ phê chuẩn;
 - 26.3.7 Quyết định cơ cấu tổ chức của công ty; quyết định mức lương, bổ nhiệm, bãi nhiệm, cách chức TGD hay BDH hoặc người đại diện của Công ty... khi HĐQT thấy cần thiết. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
 - 26.3.8 Đảm bảo tính trung thực của hệ thống báo cáo tài chính và kế toán của Công ty, đảm bảo có các hệ thống kiểm soát phù hợp, đặc biệt là hệ thống giám sát rủi ro, kiểm soát tài chính, và giám sát sự tuân thủ pháp luật.

- 26.3.9 Quyết định thời gian và mức tạm ứng cổ tức căn cứ vào khả năng tài chính của công ty, quyết định phương pháp xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh của Công ty; quyết định các loại quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế
- 26.3.10 Quyết định việc ký kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh có trị giá dưới 50% “*Tổng giá trị tài sản*” ;
- 26.3.11 Quyết định việc ký kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có trị giá dưới 35% “*Tổng giá trị tài sản*”;
- 26.3.12 Quyết định việc ký kết các hợp đồng, các thỏa thuận liên quan đến việc bán tài sản của công ty với trị giá dưới 35% “*Tổng giá trị tài sản*”;
- 26.3.13 Quyết định việc ký kết mọi Giao dịch với bên liên quan như: vay nợ; bảo lãnh hoặc các nghĩa vụ tài chính có thể phát sinh với giá trị dưới 35% “*Tổng giá trị tài sản*”.
- 26.4 HĐQT phải có trách nhiệm xem xét và phê chuẩn những vấn đề sau đây:
- 26.4.1 Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
- 26.4.2 Thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình, giải thể Công ty con của Công ty hoặc các trường hợp khác... theo quy định của Pháp luật;
- 26.4.3 Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty cử làm đại diện thương mại;
- 26.4.4 Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo lãnh không vượt quá 35% “*Tổng giá trị tài sản*”;
- 26.4.5 Các khoản bồi thường thiệt hại có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên;
- 26.4.6 Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính;
- 26.4.7 Các khoản đầu tư vượt quá 10% “*Tổng giá trị tài sản*”;
- 26.4.8 Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền, liên quan đến việc phát hành cổ phần hoặc trái phiếu của Công ty, như vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ v.v....;
- 26.4.9 Việc công ty mua hoặc thu hồi đến 10% mỗi loại cổ phần (trên 10% phải xin ý kiến ĐHCĐ);
- 26.4.10 Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
- 26.4.11 Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà HĐQT quyết định cần phải trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
- 26.5 HĐQT phải trình Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán của Công ty cho ĐHCĐ, nếu không Báo cáo tài chính đó sẽ xem là không có giá trị.
- 26.6 Thành viên HĐQT được nhận thù lao cho công việc của mình. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do ĐHCĐ quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên căn cứ vào sự tham dự đầy đủ các buổi họp và trên sự đóng góp ý kiến cho Công ty.
- 26.7 Tổng số tiền trả cho từng thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty (nếu có) phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
- 26.8 Thành viên HĐQT đồng thời kiêm chức vụ điều hành công ty hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao (dưới nhiều hình thức) theo quyết định của HĐQT.

Điều 27: Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch HĐQT

- 27.1 HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Chủ tịch HĐQT muốn kiêm nhiệm chức vụ TGD phải được sự phê chuẩn tại ĐHĐCĐ thường niên.
- 27.2 Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa các ĐHĐCĐ, chủ tọa các cuộc họp của HĐQT, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và LDN. Trong trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì phải chỉ định Phó Chủ tịch hoặc một thành viên HĐQT khác thay mình để điều hành HĐQT.
- 27.3 Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT sẽ gửi báo cáo của HĐQT, báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của BKS, báo cáo của BDH tại ĐHĐCĐ thường niên;
- 27.4 Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi nhiệm. Các thành viên HĐQT phải nhanh chóng bầu người thay thế trong thời hạn mười lăm (15) ngày.

Điều 28: Các cuộc họp của HĐQT và hình thức họp:

- 28.1 Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày đắc cử, thành viên HĐQT phải tổ chức cuộc họp đầu tiên để bầu chủ tịch HĐQT và đề ra các định hướng hoạt động của HĐQT.
- 28.2 Để phục vụ cho các cuộc họp HĐQT được thành công, HĐQT và BKS có quyền yêu cầu các cá nhân hoặc các bộ phận trong Công ty giải trình và cung cấp những tài liệu có liên quan.
- 28.3 Trong trường hợp thành viên HĐQT không thể tham dự cuộc họp HĐQT, thì phải ủy quyền (bằng văn bản) cho thành viên HĐQT khác hoặc cho một người nào đó, giấy ủy quyền chỉ có giá trị trong kỳ họp mà thành viên đó vắng mặt.
- 28.4 Trong trường hợp cần thiết, HĐQT có thể cho phép người khác tham dự cuộc họp để phiên dịch, cố vấn, và hỗ trợ làm việc.v.v.. tại các cuộc họp HĐQT, với điều kiện là những người đó phải cam kết tuân theo những yêu cầu bảo mật quy định tại Điều lệ này.
- 28.5 Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT thường kỳ, phải lập chương trình, thời gian và địa điểm họp ít nhất 07 (bảy) ngày trước ngày họp. Cuộc họp thường kỳ phải được tổ chức ít nhất mỗi quý một lần.
- 28.6 Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết hoặc khi có một trong các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản (trong đó nêu cụ thể sự cần thiết phải họp):
 - Tổng giám đốc;
 - Ít nhất năm (05) cán bộ quản lý;
 - Ít nhất hai thành viên HĐQT;
 - Đa số thành viên Ban kiểm soát.
 - Kiểm toán viên độc lập.
- 28.7 Các cuộc họp HĐQT bất thường nêu tại Điều 28.6 nêu trên phải được tiến hành trong thời hạn 7 ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị (mà không có lý do chính đáng) thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty.

Những người đề nghị tổ chức cuộc họp có thể liên hệ với Phó Chủ tịch hoặc các thành viên HĐQT khác để tiến hành cuộc họp.

- 28.8 Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT được tiến hành tại Văn phòng chính của Công ty, hoặc ở địa điểm khác theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và sự nhất trí của các thành viên HĐQT.
- 28.9 Thư mời, chương trình họp và các tài liệu họp phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất 9 ngày trước khi họp để HĐQT có thời gian xem xét và đưa ra ý kiến. Thư mời có thể gửi bằng fax, email hoặc phương tiện khác đến từng thành viên HĐQT theo địa chỉ mà họ đã đăng ký tại công ty.
- 28.10 Các cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành và thông qua các Nghị quyết khi có ít nhất ba phần tư ($\frac{3}{4}$) số thành viên HĐQT tham dự và được ủy quyền. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp lần đầu, cuộc họp lần hai phải được triệu tập lại trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất và chỉ được tiến hành khi có hơn một nửa ($\frac{1}{2}$) số thành viên HĐQT tham dự và được ủy quyền.
- 28.11 Biểu quyết:
- 28.11.1 Trừ quy định tại Điều 28.11.2 bên dưới, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền có mặt tại cuộc họp HĐQT sẽ là một phiếu biểu quyết;
- 28.11.2 Thành viên HĐQT không được biểu quyết các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc “*Người liên quan*” của thành viên đó có quyền lợi, hoặc quyền lợi có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Còn các vấn đề khác thì vẫn được biểu quyết như bình thường.
- 28.11.3 Biểu quyết đa số: HĐQT thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau, thì quyết định cuối cùng sẽ thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT hoặc người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền tham gia biểu quyết tại cuộc họp.
- 28.11.4 Khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp HĐQT có liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà có tranh chấp về quyền biểu quyết của thành viên HĐQT đó thì những vấn đề phát sinh này sẽ chỉ được quyết định bởi Chủ tịch và các thành viên HĐQT còn lại, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố một cách rõ ràng.
- 28.12 Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một giao dịch đã được ký kết hoặc dự kiến ký kết với Công ty, sẽ phải công khai quyền lợi đó trong cuộc họp xem xét việc ký kết giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết mình hoặc người có liên quan có quyền lợi vào thời điểm giao dịch được ký kết, thì thành viên HĐQT này phải công khai quyền lợi trong cuộc họp HĐQT gần nhất khi biết mình có quyền lợi trong giao dịch đó.
- 28.13 Có 3 hình thức họp HĐQT: Tổ chức họp; Xin ý kiến bằng văn bản; Họp qua điện thoại...
- HĐQT có thể tổ chức họp qua điện thoại, qua internet hoặc qua các hình thức khác với điều kiện các thành viên tham gia họp cùng phát biểu, cùng nghe rõ người khác nói, thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được xem là có mặt tại cuộc họp đó.
- Hoặc bằng hình thức xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, qua email, khi có ý kiến phản hồi của các thành viên thì các nội dung này sẽ được thông qua.
- Các quyết định được thông qua theo những hình thức này sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải bổ sung chữ ký của tất cả thành viên HĐQT trong Biên bản họp.

- 28.14 Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi Biên bản bằng tiếng Việt theo quy định của LDN, có đầy đủ chữ ký của thành viên HĐQT, là bằng chứng về những công việc đã tiến hành và thông qua tại cuộc họp. Thư ký chịu trách nhiệm lưu trữ Biên bản họp và các tài liệu có liên quan đến cuộc họp, đồng thời gửi Biên bản họp cho tất cả thành viên HĐQT.
- 28.15 Bên cạnh Biên bản họp, phải lập Nghị quyết của cuộc họp HĐQT, nêu đầy đủ nội dung các quyết nghị từ Biên bản họp. Nghị quyết này chỉ cần chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

Điều 29. Các tiểu ban thuộc HĐQT

- 29.1 HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT/thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.
- 29.2 Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

IX. TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ THƯ KÝ

Điều 30: Tổ chức bộ máy quản lý

Sơ đồ tổ chức quản lý của công ty sẽ do TGD đề xuất và HĐQT phê duyệt.

TGD, BDH và Kế Toán trưởng sẽ do HĐQT bổ nhiệm, tất cả đều phải có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp. Những người này có thể đồng thời là thành viên HĐQT.

Điều 31: Ban điều hành

- 31.1 Theo đề nghị của TGD và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được quy định số lượng cán bộ BDH theo nhu cầu và phù hợp với cơ cấu của Công ty
- 31.2 Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các chế độ của Kế Toán Trưởng, BDH sẽ do TGD quyết định sau khi đã tham khảo ý kiến HĐQT, riêng trường hợp của TGD sẽ do HĐQT quyết định.

Điều 32: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

- 32.1 HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm TGD và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của TGD phải được báo cáo trong ĐHCĐ thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

- 32.2 Do tầm quan trọng của việc trao đổi thông tin chặt chẽ giữa HĐQT và BĐH Công ty, TGD sẽ tham dự các cuộc họp của HĐQT với vai trò quan sát viên, nhưng không được bỏ phiếu trừ khi TGD cũng đồng thời là thành viên HĐQT;
- 32.3 Nhiệm kỳ của TGD không quá 05 năm và có thể được HĐQT tái bổ nhiệm nếu hai bên cùng đồng ý tiếp tục công việc.
- 32.4 HĐQT đồng thời có thể bãi nhiệm TGD khi đa số thành viên HĐQT dự họp biểu quyết tán thành và phải bổ nhiệm một TGD mới thay thế. TGD bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại ĐHĐCĐ tiếp theo gần nhất;
- 32.5 TGD có thể từ chức với điều kiện phải thông báo với Công ty theo đúng quy định được ghi rõ trong hợp đồng lao động đã ký với Công ty;
- 32.6 TGD có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
- 32.6.1 Điều hành, quản lý, tổ chức việc thực hiện các nghị quyết; kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư của Công ty đã được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua. TGD phải báo cáo kết quả thực hiện cho ĐHĐCĐ và HĐQT theo đúng quy định;
- 32.6.2 Thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại theo Quy chế tài chính của Công ty, tổ chức và điều hành hoạt động SXKD của Công ty nhằm đảm bảo Công ty hoạt động hiệu quả, đúng pháp luật. Trường hợp điều hành trái với quy định mà gây thiệt hại cho Công ty thì TGD phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty;
- 32.6.3 Kiến nghị số lượng và các vị trí BĐH mà Công ty cần thuê để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết;
- 32.6.4 Sau 45 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, TGD phải trình Kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính của năm đó để HĐQT thông qua; đồng thời đề xuất Kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;
- 32.6.5 Đại diện Công ty trước các Cơ quan Nhà nước về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong khuôn khổ của Điều lệ và các Nghị quyết của HĐQT cho phép;
- 32.6.6 Quản lý và thực thi tất cả các quy tắc và quy định về quản lý và hoạt động đã được HĐQT phê chuẩn;
- 32.6.7 Giám sát, phân công và chỉ đạo thực hiện tất cả những công việc liên quan đến Phòng Kế toán, liên quan đến tiền, tài khoản ngân hàng, thuế v.v... của Công ty trong giới hạn cho phép, được xác định bởi Nghị quyết của ĐHĐCĐ, của HĐQT, Quy chế tài chính và các quy định của pháp luật hiện hành
- 32.6.8 TGD có thể phân cấp hoặc ủy quyền cho Phó TGD và các thành viên BĐH các công việc, trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình. Người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước TGD về các phần việc đó. Tuy nhiên, TGD vẫn là người chịu trách nhiệm cuối cùng trước HĐQT;
- 32.6.9 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT;
- 32.6.10 Kiến nghị phương án thực hiện chi trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- 32.7 TGD phải báo cáo và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

- 32.8 TGD phải chỉ đạo các cấp dưới của mình cung cấp kịp thời và đầy đủ các thông tin cho HĐQT và BKS khi được yêu cầu.
- 32.9 TGD cùng với các thành viên trong BDH phải gương mẫu chấp hành tất cả các quy định, nội quy do Công ty đề ra, phải trả lời nhanh chóng tất cả các kiến nghị, đề xuất của mọi người, mọi bộ phận trong Công ty, không chậm trễ làm ách tắc công việc, phải gần gũi và tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của toàn thể CB-CNV.
- 32.10 Để điều hành và làm việc hiệu quả, TGD phải báo cho Thư ký và các thành viên BDH kế hoạch làm việc của mình ở đâu, làm gì... nếu không đến Công ty trong giờ làm việc.
- 32.11 TGD phải xin phép Chủ tịch HĐQT bằng văn bản mới được phép vắng mặt tại Công ty từ 2 ngày trở lên.

Điều 33: Kế toán trưởng

- 33.1 Dưới sự chỉ đạo của TGD, Kế Toán trưởng sẽ chịu trách nhiệm toàn bộ các vấn đề về hệ thống kế toán, phần mềm kế toán, nhân sự kế toán, về quản lý tài chính, tài sản, về thuế, lưu trữ tài liệu .v.v.. đồng thời phải cảnh báo các rủi ro về mặt tài chính cũng như thất thoát tài sản của Công ty.
- 33.2 Kế toán trưởng phải chỉ đạo và lập các Báo cáo tài chính kịp thời và chính xác để trình cho TGD, HĐQT và BKS theo quy định, phục vụ cho các kỳ họp HĐQT và ĐHĐCĐ.
- 33.3 Kế Toán trưởng có trách nhiệm cung cấp thông tin cho HĐQT, BKS và TGD khi được yêu cầu. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa các chỉ đạo của HĐQT, hoặc TGD hoặc BKS thì chỉ đạo của HĐQT sẽ được ưu tiên.
- 33.4 Kế Toán trưởng cũng chịu trách nhiệm về tính bảo mật, tính trung thực của các số liệu BC, chịu trách nhiệm về những sai trái của các kế toán viên của mình, trừ trường hợp kế toán viên cố tình gian lận một cách tinh vi mà Kế toán trưởng không thể phát hiện được.
- 33.5 Kế Toán trưởng phải hướng dẫn và thông báo cho tất cả mọi người, mọi bộ phận trong Công ty những quy định của pháp luật về những vấn đề liên quan đến kế toán tài chính, để thực hiện cho đúng.

Điều 34: Người phụ trách quản trị công ty

- 34.1 Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm.
- 34.2 Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.
- 34.3 Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
- 34.3.1 Có hiểu biết về pháp luật;
- 34.3.2 Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- 34.3.3 Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

- 34.4 Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.
- 34.5 Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
- 34.5.1 Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- 34.5.2 Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát;
- 34.5.3 Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- 34.5.4 Tham dự các cuộc họp;
- 34.5.5 Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- 34.5.6 Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- 34.5.7 Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- 34.5.8 Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- 34.5.9 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35: Kiểm soát viên

- 35.1 Số lượng Kiểm soát viên của Công ty phải có từ 03 đến 05 người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên BKS khi muốn từ nhiệm phải gửi đơn cho HĐQT xem xét và quyết định.
- 35.2 Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 164 LDN, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
- 35.2.1 Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của cty;
- 35.2.2 Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của cty trong ba (03) năm liền trước đó.
- 35.3 Các thành viên BKS không được là người có liên quan (theo Luật quy định) với các thành viên HĐQT, TGD và BDH của Công ty.
- BKS phải chỉ định một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng BKS phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty. Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:
- 35.3.1 Triệu tập cuộc họp BKS;
- 35.3.2 Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo cho HĐQT ;
- 35.3.3 Lập báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình lên ĐHCĐ.

- 35.4 Tổ chức việc đề cử ứng viên BKS khi bầu nhiệm kỳ mới hoặc bầu bổ sung, trước khi tiến hành ĐHĐCĐ theo các quy chế sau:
- 35.4.1 Cổ đông nắm giữ cổ phần trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng, có quyền gộp số cổ phần lại để đề cử ứng viên BKS. Cụ thể
- Từ 5% đến dưới 10% được đề cử một ứng viên;
 - Từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai ứng viên;
 - Từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba ứng viên;
 - Từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn ứng viên;
 - Từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
- 35.4.2 Danh sách ứng cử hoặc đề cử ứng viên BKS phải gửi đến công ty chậm nhất 05 ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ để Công ty có thời gian xem xét, thẩm tra hồ sơ lý lịch của ứng viên.
- 35.4.3 Do phải thẩm tra lý lịch, xem xét tư cách ứng viên thỏa các yêu cầu theo quy định của Pháp luật hiện hành và theo yêu cầu của HĐQT, BKS, Công ty không chấp nhận hình thức đề cử hoặc tự ứng cử tại ĐH do việc này đã thông báo từ trước khi tổ chức ĐH.
- 35.5 Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử trước ĐH không đủ số lượng cần, BKS đương nhiệm sẽ đề cử thêm cho đủ người.
- 35.6 Thành viên BKS không được đồng thời là thành viên HĐQT, TGD, BDH, hoặc bất kỳ người nào mà pháp luật không cho phép nắm giữ cương vị này. Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn do pháp luật quy định, phù hợp với từng thời điểm khác nhau.
- 35.7 Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- 35.7.1 Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên BKS theo quy định của LDN hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên BKS;
- 35.7.2 Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại LDN;
- 35.7.3 Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- 35.7.4 Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- 35.7.5 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
- 35.8 Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- 35.8.1 Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- 35.8.2 Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của LDN và Điều lệ công ty;
- 35.8.3 Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- 35.8.4 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 36: Trách nhiệm và quyền hạn của Ban kiểm soát

- 36.1 BKS là cơ quan có thẩm quyền thay mặt ĐHĐCĐ giám sát tất cả các hoạt động và công việc kinh doanh của Công ty. BKS sẽ hoạt động độc lập với HĐQT, TGD và BDH và sẽ báo cáo với ĐHĐCĐ.
- 36.2 Ban kiểm soát có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
- 36.2.1 Kiểm tra việc HĐQT có tuân thủ pháp luật và các nghị quyết của ĐHĐCĐ
 - 36.2.2 Kiểm tra việc TGD và BDH có tuân thủ pháp luật và các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT;
 - 36.2.3 Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - 36.2.4 Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - 36.2.5 Xin ý kiến có tư vấn độc lập hoặc tư vấn pháp lý nếu thấy cần thiết;
 - 36.2.6 Kiểm tra các Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình HĐQT và ĐHĐCĐ;
 - 36.2.7 Thảo luận về những khó khăn và tồn tại được phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi chỉnh sửa mà kiểm toán viên độc lập đề nghị;
 - 36.2.8 Xem xét Thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của TGD Công ty;
 - 36.2.9 Xem xét các Báo cáo của đơn vị kiểm toán độc lập, của kiểm toán nội bộ Công ty trước khi trình HĐQT (nếu có).
 - 36.2.10 Giám sát đảm bảo quy trình bầu cử HĐQT được minh bạch và đúng thủ tục;
 - 36.2.11 Điều tra công tác quản lý và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của ĐHĐCĐ, của HĐQT hoặc của “*Nhóm cổ đông 10%*”;
 - 36.2.12 Giám sát các khoản chi đầu tư, mua sắm hoặc rút vốn quan trọng; xem xét các khoản chi phí và chi tiêu liên quan đến HĐQT, TGD và BDH;
 - 36.2.13 Giám sát HĐQT, TGD, BDH việc sử dụng đúng đắn những tài sản của Công ty để đảm bảo không lạm dụng quyền hạn trong mọi việc;
 - 36.2.14 Giám sát tính hiệu quả của cơ chế kiểm toán nội bộ mà Công ty áp dụng và kiến nghị những thay đổi cần thiết;
 - 36.2.15 Giám sát quy trình công bố và trao đổi thông tin;
 - 36.2.16 Để phục vụ cho các cuộc họp của HĐQT và BKS được thành công, BKS có quyền yêu cầu các bộ phận trong Công ty giải trình và cung cấp các tài liệu có liên quan đến cuộc họp. Thư ký HĐQT cung cấp các tài liệu họp, biên bản, các thông tin khác cho BKS cùng thời điểm cung cấp cho HĐQT.
 - 36.2.17 Định kỳ hàng quý thông báo cho HĐQT và TGD về kết quả kiểm soát của mình đồng thời yêu cầu các bộ phận có liên quan phải giải trình.
 - 36.2.18 Đề xuất những điều chỉnh, thay đổi, và cải tiến cần thiết trong hoạt động của HĐQT, TGD, BDH và trong hoạt động của Công ty.
- 36.3 Thành viên của HĐQT, TGD và BDH phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của BKS.

- 36.4 BKS phải ban hành các quy định về các cuộc họp của BKS và cách thức hoạt động. BKS phải họp tối thiểu 04 lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.
- 36.5 Tổng mức thù lao của các thành viên BKS do ĐHĐCĐ quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên BKS căn cứ vào sự tham dự đầy đủ các buổi họp và trên sự đóng góp ý kiến cho Công ty.

XI. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, TGD VÀ BDH

Điều 37: Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên HĐQT, BKS, TGD và BDH

Thành viên HĐQT, BKS, TGD và BDH được phân công phải có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, nghiêm túc, vì lợi ích cao nhất của Công ty, tránh gây thiệt hại cho công ty trong mọi trường hợp, mọi hoàn cảnh.

Điều 38: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

- 38.1 HĐQT, BKS, TGD và BDH không được phép sử dụng những thông tin, những cơ hội kinh doanh có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
- 38.2 Trừ trường hợp được ĐHĐCĐ phê chuẩn, TGD và BDH không được đồng thời giữ chức vụ giám đốc hoặc bất kỳ vị trí quản lý khác hoặc là nhân viên của bất kỳ tổ chức kinh tế nào khác tại Việt Nam..
- 38.3 Thành viên HĐQT, BKS, TGD và BDH có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch cá nhân khác.
- 38.4 Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, BKS, TGD, BDH và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác.
- 38.5 Các giao dịch giữa công ty với thành viên HĐQT, BKS, TGD, BDH, những người liên quan đến họ hoặc công ty, tổ chức mà các đối tượng trên có liên quan lợi ích tài chính, phải được thông qua theo đúng các quy định trong Điều lệ này và phải:
- 38.5.1 Có đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan. đối với giao dịch có giá trị dưới 35% “*Tổng giá trị tài sản*”.
- 38.5.2 Có số phiếu tán thành của những cổ đông không có lợi ích liên quan và được ĐHĐCĐ cho phép thực hiện, đối với giao dịch có giá trị trên 35% “*Tổng giá trị tài sản*”.

Thành viên HĐQT, BKS, TGD, BDH và những người có liên quan với các thành viên này, mặc dù được thực hiện các giao dịch trên, nhưng không được tiết lộ thông tin cho người khác khi chưa được sự đồng ý của HĐQT.

- 38.6 Ngoài các nghĩa vụ và trách nhiệm do Pháp luật hoặc Điều lệ này quy định, mỗi thành viên HĐQT, BKS, TGD và BDH phải:
- 38.6.1 Làm tròn trách nhiệm và nghĩa vụ của mình một cách trung thực;
 - 38.6.2 Không lạm dụng cương vị và quyền hạn, không sử dụng tiền bạc và tài sản của Công ty sai mục đích, vì lợi ích của bản thân;
 - 38.6.3 Trường hợp Công ty bị thua lỗ, không thanh toán được các khoản nợ đến hạn phải trả, họ phải:
 - a. Chi thông báo cho các chủ nợ về tình hình tài chính của Công ty trong chừng mực cần thiết theo quyết định của HĐQT hoặc theo yêu cầu của pháp luật;
 - b. Không được tăng lương hoặc trả bất kỳ khoản tiền thưởng nào cho các nhân viên quản lý cấp cao hoặc bất kỳ nhân viên nào của Công ty;
 - c. Kiến nghị các biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty;
- 38.7 HĐQT, BKS, TGD và BDH không phải chịu trách nhiệm cá nhân về những hành động của mình, một khi đã thực hiện trung thực, đầy đủ các trách nhiệm và phù hợp với quyền hạn được giao theo Điều lệ này, theo các ủy quyền của HĐQT, ĐHĐCĐ cũng như các quy định của Luật hiện hành.

Điều 39: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

39.1 Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên HĐQT, BKS, TGD và BDH làm việc không trung thực, không cố gắng và không cẩn trọng để hoàn thành nhiệm vụ của mình sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

39.2 Bồi thường:

- 39.2.1 Thành viên HĐQT, BKS, TGD, BDH và người được ủy quyền thực hiện các công việc của Công ty khi đã thực hiện các công việc này một cách trung thực, đúng pháp luật và không vì lợi ích cá nhân, nhưng nếu xảy ra kiện tụng và phải bồi thường thì Công ty sẽ bồi thường thay cho những người này khi:
- Tòa án đã xác định họ không vi phạm hoặc;
 - Công ty không có bằng chứng những người này vi phạm.
- 39.2.2 HĐQT, BKS, TGD và BDH nếu cố ý không tuân thủ các quy định của các điều khoản nêu tại Điều lệ này sẽ phải bồi thường cho Công ty về những tổn thất do mình gây ra, đồng thời Công ty sẽ được hưởng các lợi ích (nếu có) tương ứng mà người đó nhận được từ Giao dịch với bên có liên quan.

XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ LƯU TRỮ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 40: Quyền điều tra sổ sách và lưu trữ hồ sơ

- 40.1 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Điều 25.4.2 và Điều 35.4.1 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền bằng văn bản, được kiểm tra thông tin số cổ phần của mình đang sở hữu, các biên bản họp ĐHĐCĐ, sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty.
- 40.2 Thành viên HĐQT, BKS, TGD và BDH có quyền kiểm tra danh sách cổ đông, những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ của mình với điều kiện cam kết bảo mật các thông tin này được sự đồng ý của Chủ tịch HĐQT.
- 40.3 Thư ký HĐQT phải lưu Bản chính Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, các Biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các Báo cáo của BKS, Báo cáo tài chính hàng năm, các giấy tờ khác theo quy định của Pháp luật hiện hành tại trụ sở chính của Công ty.
- Định kỳ hàng quý, TGD phải phân công người kiểm tra lại việc lưu trữ nêu trên và báo cáo tại các cuộc họp của HĐQT.
- 40.4 Bản Điều lệ công ty này phải được công bố và thường xuyên cập nhật trên website của Công ty.

XIII. CÔNG NHÂN VIÊN, CÔNG ĐOÀN, VÀ CÁC QUY ĐỊNH LAO ĐỘNG

Điều 41: Công nhân viên và công đoàn

- 41.1 TGD phải lập Kế hoạch hoạt động kinh doanh để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến chính sách tuyển dụng lao động, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng, kỷ luật và chấm dứt hợp đồng đối với người lao động và BDH.
- 41.2 TGD phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến các quan hệ của Công ty với các tổ chức Công đoàn, các tổ chức khác như Đảng, Đoàn (nếu có).

Điều 42: Ký hợp đồng lao động và các vấn đề lao động khác

- 42.1 Phó TGD, Kế Toán trưởng và từng nhân viên của Công ty phải ký các hợp đồng lao động với TGD hoặc người được ủy quyền. Riêng TGD sẽ phải ký hợp đồng lao động với Chủ tịch HĐQT.
- 42.2 Tất cả các vấn đề liên quan đến nhân viên của Công ty, kể cả các hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, thời gian làm việc, ngày nghỉ, lương, bảo hiểm xã hội, tuyển dụng, giải quyết tranh chấp lao động và những vấn đề có liên quan khác sẽ do TGD quyết định theo quy định của pháp luật.

XIV. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 43: Phân phối lợi nhuận

- 43.1 ĐHĐCĐ quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận chờ phân phối của Công ty.
- 43.2 HĐQT có thể quyết định thời điểm tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy Công ty có khả năng thực hiện việc chi trả này.
- 43.2.1 Công ty sẽ không trả lãi cho các khoản cổ tức nhận trễ.
- 43.2.2 Nếu vì lý do nào đó mà Công ty không thể chi trả cổ tức theo đúng kế hoạch, thì việc chậm trễ này cũng không bị tính lãi và không phải trả lãi cho cổ đông.
- 43.3 HĐQT có thể đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán cổ tức bằng tiền mặt hoặc bằng cổ phần hoặc các hình thức khác (nếu có) và HĐQT là cơ quan thực thi quyết định này đúng theo quy định của Pháp luật hiện hành.
- 43.4 HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày chốt này, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
- 43.5 Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phần được chi trả bằng tiền mặt. Việc chi trả này có thể bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Trường hợp, Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó vẫn không nhận được tiền, Công ty sẽ không chịu trách nhiệm về việc này. Thanh toán cổ tức đối với các cổ phần đã lưu ký tại Sở giao dịch chứng khoán được tiến hành thông qua TTLKCK Việt Nam.
- 43.6 Đối với từng cổ đông riêng lẻ, những điều sau đây được xem là bằng chứng đã hoàn tất đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán của Công ty đối với khoản cổ tức phải trả:
- 43.6.1 Biên nhận có chữ ký của cổ đông, trong trường hợp cổ tức thanh toán bằng tiền mặt.
- 43.6.2 Chuyển tiền cho cổ đông theo các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng chuyển khoản.
- 43.6.3 Các tài liệu hoặc chứng từ chứng minh việc thanh toán cổ tức bằng cổ phần.
- 43.7 Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 44: Tài khoản ngân hàng.

- 44.1 Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng đang hoạt động tại Việt Nam.
- 44.2 Theo sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
- 44.3 Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản giao dịch thanh toán thông qua các tài khoản của Công ty bằng tiền đồng hoặc tiền ngoại tệ.

Điều 45: Trích lập các Quỹ

Tùy theo nhu cầu và tình hình thực tế, hàng năm ĐHCĐ sẽ quyết định tỷ lệ (%) trích lập các Quỹ từ lợi nhuận sau thuế, dựa theo đề xuất của HĐQT.

Điều 46: Hệ thống kế toán

- 46.1 Công ty sử dụng chế độ, chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS).
- 46.2 Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định của Luật kế toán tại Việt Nam. Các hồ sơ này phải là bản gốc, phải đảm bảo chính xác, cập nhật đầy đủ và có sự kiểm tra của đại diện BKS. Tất cả các chứng từ và báo cáo kế toán tài chính quan trọng phải được TGD và Kế toán trưởng phê chuẩn và ký tên.
- 46.3 Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong hạch toán và các sổ sách kế toán. Các giao dịch hàng ngày trong kinh doanh vẫn có thể dùng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ khác.

XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 47: Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

- 47.1 Công ty phải lập, công bố các BC tài chính hằng năm, hàng sáu tháng đã được kiểm toán, và BC hàng quý để gửi cho các cơ quan chức năng theo quy định của Pháp luật cũng như quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, TTLKCK và cơ quan đăng ký kinh doanh. Đồng thời phải công bố nguyên văn trên website của Công ty theo quy định (Mục dành cho cổ đông).
- 47.2 BC tài chính năm phải bao gồm BC kết quả hoạt động SXKD, bảng cân đối kế toán, BC lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh BC tài chính và những gì Nhà nước yêu cầu.
- 47.3 Các thành viên HĐQT và BKS có quyền trao đổi với kiểm toán viên, có quyền xem xét các BC hoặc tài khoản kế toán của Công ty vào bất kỳ lúc nào, sau khi có sự đồng ý của Chủ tịch HĐQT.

Điều 48: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

- 48.1 **Định nghĩa thông tin mật:** Thông tin mật nghĩa là bất kỳ mọi thông tin, tài liệu, giấy tờ, hồ sơ, dữ liệu, thư điện tử, và những tài liệu khác...của Công ty, không được công bố rộng rãi ra công chúng, mà chỉ có thành viên HĐQT, BKS, BDH, nhân viên Công ty, và các đối tượng có liên quan biết được trong quá trình làm việc ... bao gồm:
 - 48.1.1 Các Biên bản họp;
 - 48.1.2 Các bí mật kinh doanh, công nghệ, kỹ thuật, kiểu dáng thiết kế, hoặc thông tin liên quan đến các giao dịch mua bán của Công ty;
 - 48.1.3 Các BC của BKS, BC của các cơ quan thanh tra (nếu có);
 - 48.1.4 Sổ sách kế toán và các tài liệu kế toán khác;
 - 48.1.5 Thông tin về cổ đông, về bất kỳ thỏa thuận, hoặc giao dịch nào giữa Công ty và các cổ đông;

- 48.1.6 Chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh của Công ty;
- 48.1.7 Chiến lược đầu tư của công ty;
- 48.1.8 Thông tin về những rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty như lãi suất hoặc ngoại hối đối với các khoản nợ và vay của Công ty; rủi ro liên quan đến các chứng khoán, rủi ro liên quan đến các trách nhiệm về môi trường v.v...
- 48.1.9 Và những thông tin có liên quan khác

48.2 Tiết lộ thông tin mật: Nếu không được sự đồng ý của Chủ tịch HĐQT, không một ai trong số các thành viên HĐQT, BKS, BDH, các cổ đông hoặc bất kỳ người có liên quan nào được phép tự ý tiết lộ các thông tin mật của Công ty.

Các trường hợp ngoại lệ, được phép tiết lộ thông tin mật như:

- 48.2.1 Có các quyết định của ĐHĐCĐ cho phép;
- 48.2.2 Những người mà họ cần phải biết thông tin để thực thi các nghĩa vụ của mình. Đối với những trường hợp này, phải yêu cầu người nhận thông tin mật giữ kín các thông tin đó;
- 48.2.3 Khi được yêu cầu cung cấp thông tin cho các Cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền, hoặc Tòa án TP.HCM trong các vụ kiện, nhưng chỉ cung cấp trong phạm vi được yêu cầu mà thôi;
- 48.2.4 Có thể cung cấp các thông tin mật khi có sự chấp thuận của HĐQT, nhưng phải yêu cầu làm cam kết bảo mật thông tin (đối với những người không được tiếp cận thông tin mật).

XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 49: Kiểm toán

- 49.1 ĐHĐCĐ thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị kiểm toán tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo.
- 49.2 Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về BC tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập BC kiểm toán và trình BC đó cho HĐQT trong vòng 03 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận
- 49.3 Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán cho Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp ĐHĐCĐ nhận các thông tin khác liên quan đến ĐHĐCĐ và được phát biểu ý kiến tại ĐH về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVIII. CON DẤU

Điều 50: Con dấu

- 50.1 Dưới sự đồng ý của HĐQT, Công ty có quyền quyết định về hình thức, nội dung và số lượng con dấu. Nội dung con dấu phải thể hiện được các thông tin: tên, mã số Công ty và Công ty phải thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh.
- 50.2 HĐQT, TGD, BDH và người được BDH ủy quyền mới được sử dụng con dấu và giao cho BDH quản lý theo quy định của Pháp luật.

XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 51: Chấm dứt hoạt động

- 51.1 Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
- 51.1.1 Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - 51.1.2 Giải thể theo quyết định của ĐHĐCĐ;
 - 51.1.3 Các trường hợp khác do pháp luật quy định;
- 51.2 Việc giải thể Công ty do ĐHĐCĐ quyết định, HĐQT và BDH tổ chức thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo và được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 52: Thanh lý

- 52.1 Sau khi có quyết định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên chính, trong đó 02 thành viên do ĐHĐCĐ chỉ định và 01 thành viên từ một công ty kiểm toán độc lập.
- Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các Quy chế hoạt động trình HĐQT duyệt. Các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được ưu tiên trả trước các khoản nợ khác của Công ty.
- 52.2 Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày giải thể Công ty. Kể từ thời điểm báo cáo giải thể Công ty, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án Tp.HCM và các cơ quan hành chính.
- 52.3 Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
- 52.3.1 Các chi phí thanh lý;
 - 52.3.2 Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - 52.3.3 Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
 - 52.3.4 Các khoản vay (nếu có);
 - 52.3.5 Các khoản nợ khác của Công ty;
 - 52.3.6 Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Điều 52.3.1 đến Điều 52.3.5 trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 53: Giải quyết tranh chấp nội bộ

53.1 Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, LDN hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa giữa cổ đông với HĐQT, BKS, TGD hay BĐH.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp hoà giải không thành, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng BKS chỉ định 01 chuyên gia độc lập làm trọng tài để giải quyết tranh chấp trong vòng 90 ngày kể từ ngày tranh chấp phát sinh.

53.2 Trường hợp không đạt được thỏa thuận hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Toà án Tp.HCM.

53.3 Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 54: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

54.1 Việc bổ sung hay sửa đổi Điều lệ của Công ty phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định, dự trên đề xuất của HĐQT.

54.2 Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty nhưng chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với Điều lệ này, thì những quy định của Pháp luật đó được ưu tiên áp dụng tại Công ty và HĐQT sẽ nhanh chóng trình ĐHĐCĐ gần nhất để thông qua.

XXII. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 55: Hiệu lực của điều lệ.

55.1 Bản điều lệ này gồm XXII chương, 56 điều được ĐHĐCĐ Công ty cổ phần chế biến gỗ Đức Thành nhất trí thông qua và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 07 năm 2018.

55.2 Điều lệ được lập thành 10 bản, có đóng dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật, có giá trị như nhau, trong đó:

55.2.1 Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương

55.2.2 Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố

55.2.3 Bốn (04) bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty (trong đó Thư ký HĐQT giữ 1 bản, TGD 1 bản, GD HCNS 1 bản và Chủ tịch HĐQT 1 bản)

- 55.3 Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
- 55.4 Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc người đại diện theo Pháp luật.
- 55.5 Điều khoản không hợp pháp hoặc không thực thi: Nếu cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền phán quyết rằng bất kỳ một hoặc nhiều điều khoản nào của Điều lệ này là bất hợp pháp, hoặc không thực thi theo quy định của Pháp luật, thì điều khoản đó sẽ được xem như loại bỏ khỏi Điều lệ này. Các điều khoản khác của Điều lệ vẫn giữ nguyên giá trị.

Điều 56: Thông báo

- 56.1 Tất cả các thông báo được phát hành theo quy định của Điều lệ này phải lập thành văn bản, có chữ ký của người chịu trách nhiệm, đóng dấu Công ty và gửi bằng thư bảo đảm đến các cổ đông theo địa chỉ do TTLKCK cung cấp vào từng thời điểm, đồng thời sẽ gửi bằng Email (nếu có đăng ký).
- 56.2 Công ty đảm bảo sẽ gửi thông báo chính xác theo các địa chỉ trong Danh sách mới nhất mà TTLKCK cung cấp. Để đảm bảo quyền lợi của mình, đề nghị các cổ đông phải:
- 56.2.1 Cập nhật đầy đủ thông tin mới nhất cho Công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch (nếu là cổ đông đã lưu ký).
- 56.2.2 Cập nhật đầy đủ thông tin mới nhất bằng văn bản cho Công ty Gõ Đúc Thành (nếu là cổ đông chưa lưu ký).
- Nếu cổ đông không cập nhật kịp thời mọi thay đổi thông tin cá nhân như đã yêu cầu, thì Công ty sẽ không chịu trách nhiệm về việc thông báo không đến đúng địa chỉ của Cổ đông và quyền lợi của Cổ đông sẽ bị ảnh hưởng khi không nhận được các thông báo này.
- 56.3 Bất kỳ thông báo nào sau khi chuyển đi đều được coi như có hiệu lực.



Tổng Giám Đốc
Lê Hồng Thịnh

Lập ngày 17/07/2018

Người đại diện theo pháp luật ký tên và đóng dấu.

Phụ lục 1: Chi tiết các Cổ đông Sáng lập

Stt	Họ và tên Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần ¹	Tổng Trị giá (Đồng)	Tỷ lệ (%)	Tên tài sản góp bằng hiện vật
1	Ông Lê Ba	216 Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	90	900.000.000	17,82%	Tiền mặt
2	Bà Hà Thị Huệ	216 Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	65	650.000.000	12,87%	Tiền mặt
3	Bà Lê Hải Liễu	48/20C Lam Sơn, Phường 6, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	60	600.000.000	11,88%	Tiền mặt
4	Ông Lê Hồng Thành	1/11 Phường Bình Khánh, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh	36	360.000.000	7,13%	Tiền mặt
5	Ông Lê Hồng Thắng	216 Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	36	360.000.000	7,13%	Tiền mặt
6	Bà Lê Thị Hải Lài	102/26 Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. HCM	35	350.000.000	6,93%	Tiền mặt
7	Bà Lê Phước Lành	216 Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. HCM	30	300.000.000	5,94%	Tiền mặt
8	Bà Lê Tấn Lợi	216 Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	25	250.000.000	4,95%	Tiền mặt
9	Ông Hồ Phạm Huy Ánh	129 Đồng Đen, Phường 12, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	20	200.000.000	3,96%	Tiền mặt
10	Ông Lê Trọng Nhân	15/26B Thống Nhất, Phường 16, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	20	200.000.000	3,96%	Tiền mặt
11	Bà Nguyễn Hà Ngọc Diệp	62B Lý Tự Trọng, Thành phố Đà Nẵng	15	150.000.000	2,97%	Tiền mặt
12	Ông Phạm Anh Huân	1/11 Phường Bình Khánh, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh	15	150.000.000	2,97%	Tiền mặt
13	Ông Hồ Trọng Phương	20/27 Thống Nhất, Phường 16, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	15	150.000.000	2,97%	Tiền mặt

¹ Mệnh giá một cổ phần là 10 triệu đồng.

Stt	Họ và tên Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần ¹	Tổng Trị giá (Đồng)	Tỷ lệ (%)	Tên tài sản góp bằng hiện vật
14	Bà Huỳnh Thị Thanh	15/26B Thống Nhất, Phường 16, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	10	100.000.000	1,98%	Tiền mặt
15	Ông Hà Ngọc Cần	24/6 Tiên Lân, Tân Thới Nhất, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	10	100.000.000	1,98%	Tiền mặt
16	Ông Nguyễn Văn Đức	12/20 Đường 26/3, Phường 13, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	8	80.000.000	1,58%	Tiền mặt
17	Ông Nguyễn Đức Tình	22/4I Thống Nhất, Phường 16, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	6	60.000.000	1,19%	Tiền mặt
18	Ông Trần Văn Mẫu	105E 18/5 Lê Văn Thọ, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	4	40.000.000	0,79%	Tiền mặt
19	Ông Nguyễn Văn Chánh	88/23 Nguyễn Khoái, Phường 2, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	3	30.000.000	0,59%	Tiền mặt
20	Ông Nguyễn Công Minh	Áp 3, Xã Phước Vinh, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh	2	20.000.000	0,40%	Tiền mặt
	TỔNG CỘNG		505	5.050.000.000	100%	